

Mẫu số 01

CÔNG TY CP VIMC LOGISTICS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 33 /VLG-CBTT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần VIMC Logistics thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ đã soát xét (1/1/2025-30/6/2025), như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

- Mã chứng khoán: VLG
- Trụ sở chính: Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 04-35772047/48 Fax: 04-35772046
- Email: info@vimclogistics.vn Website: vimclogistics.com.vn

2. Nội dung Công bố thông tin:

- BCTC giữa niên độ đã soát xét năm 2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/8/2025 tại đường dẫn: vimclogistics.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Tài liệu đính kèm:

- BCTC giữa niên độ đã soát xét năm 2025,
- Văn bản giải trình



Vũ Thị Thanh Nhân

SỐ: 146/VLG-TCKT

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận trên
báo cáo soát xét bán niên năm 2025

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

2- Mã chứng khoán: VLG

3- Trụ sở chính: Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, TP.Hà Nội, Việt Nam.

4- Điện thoại: 024-35772047/48

Fax: 024-35772046

5- Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2025 so với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.418.723.301	18.458.686.604	(15.039.963.303)

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2025 giảm 15.040 triệu đồng so với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2024 do các nguyên nhân chính sau:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 3.000 triệu đồng
- Lợi nhuận tài chính tăng 744 triệu đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 361 triệu đồng
- Lợi nhuận khác giảm 21.171 triệu đồng
- Chi phí thuế TNDN giảm 2.026 triệu đồng

Trong 6 tháng đầu năm 2025, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 162.823 triệu đồng (cao hơn cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2024 là 88.260 triệu đồng), lợi nhuận gộp về bán hàng đạt 6.348 triệu đồng (cao hơn cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2024 là 3.000 triệu đồng) chủ yếu do tăng sản lượng hàng hóa dịch vụ tăng doanh thu thu hộ trả hộ khách hàng.

Lợi nhuận tài chính tăng 744 triệu đồng do tăng doanh thu tài chính từ hoạt động tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.

Lợi nhuận khác từ thanh lý tài sản, hoàn trả dự án 6 tháng đầu năm 2025 là 49 triệu đồng, 6 tháng đầu năm 2024 là 21.221 triệu đồng.

Công ty cổ phần VIMC Logistics trân trọng giải trình.

Nơi nhận

- Như trên,
- Lưu VT.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VIMC Logistics (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Lê Lợi	Chủ tịch	
Ông Phan Nhân Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2025
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2025
Bà Đinh Thị Việt Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2025
Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2025
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2025
Ông Đỗ Đức Ân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2025
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đinh Thị Việt Hà	Tổng Giám Đốc
Ông Phạm Bá Ngân	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hà Trang	Thành viên
Bà Vũ Lan Phương	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Loan	Kế toán trưởng
------------------	----------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đinh Thị Việt Hà

Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Số: 895/2025/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**
*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần VIMC Logistics
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

**Kính gửi: Các Cổ đông; Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần VIMC Logistics**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần VIMC Logistics (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 36 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

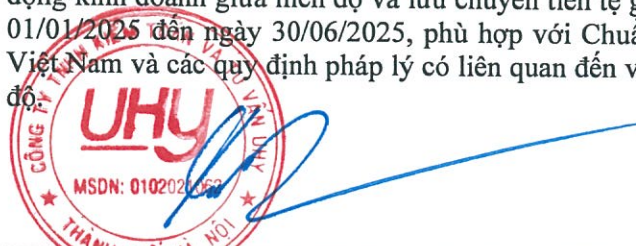
Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

GCN ĐKHN kiểm toán số: 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.899.888.185	164.800.586.261
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.713.872.235	22.293.825.286
Tiền	111		10.713.872.235	17.293.825.286
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	24.000.000.000	35.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.000.000.000	35.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		153.704.027.302	94.210.723.233
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	117.062.016.905	72.483.568.552
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.186.175.960	1.053.019.892
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	44.964.851.198	33.640.283.226
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	8; 10	(12.509.016.761)	(12.966.148.437)
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.481.988.648	13.296.037.742
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	499.875.641	245.527.512
Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.948.953.553	13.017.350.776
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	33.159.454	33.159.454
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.622.552.324	64.972.726.023
Các khoản phải thu dài hạn	210		11.861.700.000	10.061.700.000
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	9	11.861.700.000	10.061.700.000
Tài sản cố định	220		38.802.627.293	40.948.698.263
Tài sản cố định hữu hình	221	11	38.802.627.293	40.948.698.263
- Nguyên giá	222		120.746.218.007	121.326.468.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.943.590.714)	(80.377.769.744)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	1.241.512.034	1.241.512.034
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.241.512.034	1.241.512.034
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	11.432.820.000	11.432.820.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.432.820.000	11.432.820.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		1.283.892.997	1.287.995.726
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1.283.892.997	1.287.995.726
TỔNG TÀI SẢN	270		267.522.440.509	229.773.312.284

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		102.789.231.887	52.444.286.717
Nợ ngắn hạn	310		102.789.231.887	52.444.286.717
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	75.272.899.432	37.386.312.095
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	704.376.414	49.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	696.429.118	4.464.687.173
Phải trả người lao động	314		1.017.231.775	2.175.876.101
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	5.425.396.536	1.349.609.567
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		36.000.000	96.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	18.317.314.683	6.922.801.781
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.319.583.929	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		164.733.208.622	177.329.025.567
Vốn chủ sở hữu	410	18	164.733.208.622	177.329.025.567
Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.121.300.000	142.121.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.121.300.000	142.121.300.000
Cổ phiếu quỹ	415		(500.000.000)	(500.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.693.185.321	19.693.185.321
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.418.723.301	16.014.540.246
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(12.510.568.250)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.418.723.301	28.525.108.496
TỔNG NGUỒN VỐN	440		267.522.440.509	229.773.312.284

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyền Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan



Đinh Thị Việt Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025	Từ 01/01/2024
			đến 30/06/2025	đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	162.823.253.390	74.563.435.296
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		162.823.253.390	74.563.435.296
Giá vốn hàng bán	11	21	156.475.012.686	71.214.889.245
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.348.240.704	3.348.546.051
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.113.438.543	385.954.701
Chi phí tài chính	22	23	16.583.604	33.579.183
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	3.300.531.788	3.661.458.630
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.144.563.855	39.462.939
Thu nhập khác	31	26	49.286.000	21.322.940.259
Chi phí khác	32		-	102.113.172
Lợi nhuận khác	40		49.286.000	21.220.827.087
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.193.849.855	21.260.290.026
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	775.126.554	2.801.603.422
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.418.723.301	18.458.686.604
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	241	1.303
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		241	1.303

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan



Đinh Thị Việt Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025	Từ 01/01/2024
			đến 30/06/2025	đến 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		4.193.849.855	21.260.290.026
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.146.070.970	3.086.440.224
Các khoản dự phòng	03		(457.131.676)	(16.158.948)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(8.943.995)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(1.150.689.503)	(21.613.844.858)
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.723.155.651	2.716.726.444
lưu động				
(Tăng) các khoản phải thu	09		(62.023.116.376)	(44.379.506.434)
Giảm/(Tăng) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		41.689.520.312	219.112.156
(Tăng) chi phí trả trước	12		(250.245.400)	(166.226.894)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.695.361.955)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		32.500.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.386.233.513)	(3.398.247)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.909.781.281)	(41.613.292.975)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		50.000.000	55.361.029.631
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48.000.000.000	-
Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.356.744.709	616.765.710
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.406.744.709	55.977.795.341

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025	Từ 01/01/2024
			đến 30/06/2025	đến 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(87.290.000)	(2.640.526.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(87.290.000)	(2.640.526.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(11.590.326.572)	11.723.976.366
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	22.293.825.286	13.649.104.395
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.373.521	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	10.713.872.235	25.373.080.761

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Tổng Giám Đốc



Đinh Thị Việt Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần VIMC Logistics là đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam thông qua việc đổi tên và logo Công ty thành Công ty Cổ phần VIMC Logistics. Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0102345275 cấp lần đầu ngày 10/08/2007 được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 16 ngày 26/05/2025.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 16 của Công ty là 142.121.300.000 đồng, tương đương 14.212.130 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 100 người (tại ngày 31/12/2024 là 102 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH:

Dịch vụ, thương mại.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn cho khách hàng về việc vận chuyển, giao nhận, lưu kho và các dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa, hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ kê khai hải quan; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ Logistics; Vận tải đa phương thức;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh còn lại chưa phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Hải Phòng	Phòng 801, tầng 8 Tòa nhà Akashi, số 10 lô 2A KĐT M ngã Năm sân bay Cát Bi, đường Lê Hồng Phong phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Quảng Ninh	Số 1 đường Cái Lân, Khu kho bãi Vosa, Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng 403, 89A Lý Phục Nam, Phường Tân Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Lào Cai	Lô F9 - F10 Khu Công nghiệp Đông Phố Mới, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Thành phố Móng Cái - tỉnh Quảng Ninh	Số nhà 24, đường Lê Hồng Phong, Phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do được thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND, theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ bán niên sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

3.4 TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng tác các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm được trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

3.6 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Ngoại trừ, Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất được trích theo phương pháp sản lượng/số dư giảm dần, khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (TIẾP)**

Loại tài sản	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25 năm
Máy móc thiết bị khác	03-20 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-10 năm

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không có đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 36 tháng.

3.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên BCTC căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí chiết khấu,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.14 DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;*
- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hoa hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động trong đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.17 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại phải trả trong năm được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm sau khi trừ đi lỗ lũy kế từ những năm trước. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.19 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các Công ty con và các Công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động logistics tại Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	136.983.676	57.871.944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.576.888.559	17.235.953.342
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	10.713.872.235	22.293.825.286

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	499.875.641	245.527.512
- Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	244.560.471	186.282.512
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	255.315.170	59.245.000
Dài hạn	1.283.892.997	1.287.995.726
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.283.892.997	1.287.995.726
Cộng	1.783.768.638	1.533.523.238

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025.
đến ngày 30/06/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	24.000.000.000	-	35.000.000.000	-
Cộng	24.000.000.000	-	35.000.000.000	-

(*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kì hạn 6 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	11.432.820.000	-	11.432.820.000	-
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	6.032.820.000	- (*)	6.032.820.000	- (*)
- Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	5.400.000.000	- (*)	5.400.000.000	- (*)
Đầu tư vào đơn vị khác	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
- Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	1.000.000.000	(1.000.000.000) (*)	1.000.000.000	(1.000.000.000) (*)
Cộng	12.432.820.000	(1.000.000.000)	12.432.820.000	(1.000.000.000)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết, Công ty nhận đầu tư khác tại ngày 30/06/2025 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	Hà Nội	22,12%	22,12%	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải
Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	Hà Nội	36,00%	36,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	Hải Phòng	5,00%	5,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngán hạn	4.186.175.960	-	1.053.019.892	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam) tại Hải Phòng	514.465.212	-	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Logistics Hải Long	800.000.000	-	800.000.000	-
- Công ty Cổ phần VILACONIC	613.120.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đại Thành Long	1.800.000.000	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	458.590.748	-	253.019.892	-
Cộng	4.186.175.960	-	1.053.019.892	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS
Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

8. PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	918.739.136	-	1.441.809.841	-
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	-	-	307.030.500	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	117.396.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	32.842.800	-	-	-
- Công ty TNHH Vinelines Honda Logistics Việt Nam	768.500.336	-	1.134.779.341	-
Bên khác	116.143.277.769	(12.509.016.761)	71.041.758.711	(12.966.148.437)
- Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Kỹ thuật Ngân Hà	6.906.793.351	-	5.022.258.780	-
- Ning Ming Youxin Import And Export Trading Co, Ltd	6.118.490.110	-	5.498.897.330	-
- Công ty TNHH Billion Industrial Việt Nam	9.585.089.585	-	16.519.008.420	-
- Công ty Cổ phần vận tải Quốc Tế Hạ Long	39.967.024.640	-	8.455.741.947	-
- Chi nhánh CTCP Sông Đà 11 tại Hải Phòng	1.655.172.784	-	4.421.487.400	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	51.910.707.299	(12.509.016.761)	31.124.364.834	(12.966.148.437)
Cộng	117.062.016.905	(12.509.016.761)	72.483.568.552	(12.966.148.437)

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho giai đoạn từ ngày 01/01/2025.
đến ngày 30/06/2025**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS**Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	44.964.851.198	-	33.640.283.226	-
- Phải thu về tiền tạm ứng	5.710.790.870	-	2.421.562.303	-
- Ký cược, ký quỹ	1.063.670.420	-	1.834.341.620	-
- Phải thu khác	38.190.389.908	-	29.384.379.303	-
+ Phải thu về Doanh thu chưa xuất hóa đơn	9.274.654.824	-	668.353.417	-
+ Phải thu về lãi tiền gửi	573.232.880	-	828.574.086	-
+ Phải thu về quỹ khen thưởng, phúc lợi NLD	-	-	2.850.052.317	-
+ Các khoản chi hộ làm hàng	12.036.970.619	-	8.731.867.898	-
+ Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	324.126.585	-	324.126.585	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất TP Hạ Long (*)	15.979.840.000	-	15.979.840.000	-
+ Các khoản phải thu khác	1.565.000	-	1.565.000	-
Dài hạn	11.861.700.000	-	10.061.700.000	-
- Ký cược, ký quỹ (**)	11.861.700.000	-	10.061.700.000	-
Cộng	56.826.551.198	-	43.701.983.226	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	324.126.585	-	324.126.585	-
	324.126.585	-	324.126.585	-

(*) Là khoản phải thu Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Hạ Long (nay là phường Hạ Long) theo Biên bản làm việc ngày 19/10/2023 giữa Công ty Cổ phần VIMC Logistics; Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Hạ Long và Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc gia Quảng Ninh về việc rà soát, đối chiếu (Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng,...) để quyết toán hạng mục chi phí GPMB đã hình thành tại Dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long (nay là phường Hạ Long), Quảng Ninh.

(**) Bao gồm khoản ký quỹ theo quy định của Thông tư số 05/2014/TT-BCT ngày 27/01/2014 của Bộ Công thương quy định về hoạt động tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, hàng hóa với giá trị là 10.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025.
đến ngày 30/06/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty TNHH Nhựa Việt Lào	12.698.016.761	189.000.000	13.456.148.437	490.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí	1.588.520.832	-	1.588.520.832	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Bảo Minh	263.740.000	-	263.740.000	-
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	215.000.000	-	215.000.000	-
- Công ty Cổ phần sửa chữa tàu biển Nosco	2.051.321.106	-	2.051.321.106	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Trung Vũ	245.805.831	-	245.805.831	-
- Jo Bounmy Group Co.LTD	30.607.000	-	30.607.000	-
- Công ty TNHH Logistics Vinasea Global	2.885.669.961	-	3.399.669.961	-
- Công ty TNHH TMDV Long Tiền	2.802.477.831	-	2.563.709.507	-
- Công ty TNHH TMDV Giao nhận vận tải Trường An phát	94.000.000	-	94.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hoàng Long	27.844.100	-	37.844.100	-
- Các khoản phải thu khác	267.525.000	-	317.525.000	-
	2.225.505.100	189.000.000	2.648.405.100	490.000.000
Tổng	12.698.016.761	189.000.000	13.456.148.437	490.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	59.823.613.764	30.275.074.096	29.819.657.244	1.408.122.903	121.326.468.007
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(580.250.000)	-	(580.250.000)
30/06/2025	59.823.613.764	30.275.074.096	29.239.407.244	1.408.122.903	120.746.218.007
HAO MÓN LỬY KẾ					
01/01/2025	(29.817.837.829)	(20.880.220.018)	(28.271.588.994)	(1.408.122.903)	(80.377.769.744)
- Khấu hao trong kỳ	(1.301.248.890)	(706.182.906)	(138.639.174)	-	(2.146.070.970)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	580.250.000	-	580.250.000
30/06/2025	(31.119.086.719)	(21.586.402.924)	(27.829.978.168)	(1.408.122.903)	(81.943.590.714)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	30.005.775.935	9.394.854.078	1.548.068.250	-	40.948.698.263
30/06/2025	28.704.527.045	8.688.671.172	1.409.429.076	-	38.802.627.293

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 33.759.227.949 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 34.339.477.949 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	1.241.512.034	1.241.512.034
- Dự án mở rộng Cảng nội địa ICD Lào Cai (*)	1.241.512.034	1.241.512.034
Cộng	1.241.512.034	1.241.512.034

(*) Dự án mở rộng Cảng nội địa ICD Lào Cai: chi phí đầu tư vào dự án Đầu tư xây dựng cảng nội địa ICD Lào Cai được thực hiện theo quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 06/06/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai về việc điều chỉnh Dự án Đầu tư xây dựng cảng nội địa ICD Lào Cai. Dự án đã hoàn thành giai đoạn I, giai đoạn II và đưa vào khai thác sử dụng. Đối với giai đoạn III và giai đoạn IV, Công ty đang tiến hành lập hồ sơ điều chỉnh tổng thể dự án, bố trí lại các hạng mục dự án theo Quyết định số 3292/UBND-KT ngày 22/07/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai về việc điều chỉnh dự án Cảng nội địa ICD Lào Cai tại Khu công nghiệp Đông Phố mới và đã nhận được Công văn của BQL Khu kinh tế - UBND tỉnh Lào Cai phản hồi về hồ sơ ban đầu của Công ty cũng như yêu cầu hoàn thiện bổ sung hồ sơ. Chi phí dự án bao gồm chi phí lập báo cáo dự án đầu tư và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhằm mục đích chuẩn bị thực hiện giai đoạn III và giai đoạn IV.

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	704.376.414	49.000.000
- Công ty TNHH MTV Đăng Khoa	180.000.000	-
- Huali Lao Rare Earth Sole Co., Ltd	475.286.414	-
- Người mua trả tiền trước là đối tượng khác	49.090.000	49.000.000
Cộng	704.376.414	49.000.000

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí phải trả cước vận chuyển, chi phí ghi nhận trước	5.425.396.536	1.349.609.567
Cộng	5.425.396.536	1.349.609.567

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025.
đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	6.547.831.042	6.547.831.042	4.901.357.429	4.901.357.429
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam- CTCP	484.561.812	484.561.812	575.626.800	575.626.800
- Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	3.300.666.765	3.300.666.765	3.287.450.049	3.287.450.049
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	188.024.555	188.024.555	-	-
- Công ty cổ phần Phát triển Hàng Hải	2.574.577.910	2.574.577.910	1.038.280.580	1.038.280.580
Bên khác	68.725.068.390	68.725.068.390	32.484.954.666	32.484.954.666
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Dịch vụ Vận tải Hân Trang	1.765.853.200	1.765.853.200	3.406.205.800	3.406.205.800
- Công ty Cổ phần T&C	8.297.683.600	8.297.683.600	4.781.389.800	4.781.389.800
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu VNO	23.544.321.031	23.544.321.031	2.210.507.280	2.210.507.280
- Công ty Cổ phần Sơn Thành Holdings	9.197.906.400	9.197.906.400	1.156.464.000	1.156.464.000
- Công ty Cổ phần KVN Logistics	5.695.820.000	5.695.820.000	-	-
- Công ty TNHH Tuấn Châu	3.244.561.356	3.244.561.356	794.797.356	794.797.356
- Công ty TNHH TM & DV XNK Phương Giang	1.535.274.000	1.535.274.000	1.481.922.000	1.481.922.000
- Công ty TNHH TM VT và XNK TPS	1.077.200.000	1.077.200.000	1.618.080.000	1.618.080.000
- Phải trả người bán là đối tượng khác	14.366.448.803	14.366.448.803	17.035.588.430	17.035.588.430
Cộng	75.272.899.432	75.272.899.432	37.386.312.095	37.386.312.095

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025.
đến ngày 30/06/2025.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	745.384	9.627.560.277	9.616.943.862	11.361.799
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.460.361.955	775.126.554	4.695.361.955	540.126.554
- Thuế thu nhập cá nhân	3.579.834	266.310.619	266.039.160	3.851.293
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	141.089.472	-	141.089.472
- Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
	4.464.687.173	10.817.086.922	14.585.344.977	696.429.118
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng				
	33.159.454	-	-	33.159.454
	33.159.454	-	-	33.159.454

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	18.317.314.683	6.922.801.781
- Kinh phí công đoàn	57.059.879	56.004.105
- Bảo hiểm xã hội	174.279.539	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	24.000.000	30.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.061.975.265	6.836.797.676
+ <i>Phải trả cổ tức</i>	14.709.750.462	3.467.336.462
+ <i>Công ty TNHH Happyland Việt Nhật</i>	202.053.000	202.053.000
+ <i>Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc gia Quảng Ninh</i>	3.000.000.000	3.000.000.000
+ <i>Các đối tượng khác</i>	150.171.803	167.408.214
Dài hạn	-	-
Cộng	18.317.314.683	6.922.801.781

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS**Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 phố Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	142.121.300.000	(500.000.000)	19.693.185.321	(12.510.568.250)	148.803.917.071
- Lãi trong năm trước	-	-	-	28.525.108.496	28.525.108.496
31/12/2024	142.121.300.000	(500.000.000)	19.693.185.321	16.014.540.246	177.329.025.567
01/01/2025	142.121.300.000	(500.000.000)	19.693.185.321	16.014.540.246	177.329.025.567
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	3.418.723.301	3.418.723.301
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(4.684.836.246)	(4.684.836.246)
- Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(11.329.704.000)	(11.329.704.000)
30/06/2025	142.121.300.000	(500.000.000)	19.693.185.321	3.418.723.301	164.733.208.622

(*) Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam- Công ty Cổ phần	80.616.200.000	56,72%	80.616.200.000	56,72%
- Các cổ đông khác	61.505.100.000	43,28%	61.505.100.000	43,28%
Cộng	142.121.300.000	100%	142.121.300.000	100%

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	142.121.300.000	142.121.300.000
+ Vốn góp cuối kỳ	142.121.300.000	142.121.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả	87.290.000	2.640.526.000

18.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.212.130	14.212.130
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.212.130	14.212.130
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.212.130</i>	<i>14.212.130</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	50.000	50.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>50.000</i>	<i>50.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.162.130	14.162.130
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.162.130</i>	<i>14.162.130</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

18.5 CÁC QUỸ CỦA CÔNG TY

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	19.693.185.321	19.693.185.321
	19.693.185.321	19.693.185.321

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
a) Tài sản thuê hoạt động		
- Từ 1 năm trở xuống	2.984.803.014	5.808.293.072
b) Ngoại tệ các loại:		
- Dollar Mỹ (USD)	47.080,83	1.479,93

Cam kết thuê hoạt động:

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Đông Phố Mới, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai với Nhà nước để sử dụng cho mục đích xây dựng dự án. Diện tích khu đất này là 47.962 m², thời gian thuê từ ngày 01/04/2008 đến ngày 31/07/2055. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm. Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian 12 năm 3 tháng (từ ngày 01/04/2008 đến ngày 01/07/2020) theo Quyết định số 1073/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Lào Cai và được miễn tiền thuê đất trong thời gian 01 năm 9 tháng (từ tháng 10/2020 đến hết tháng 06/2022) theo Quyết định số 234/QĐ-BQL của UBND Tỉnh Lào Cai.

20. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ logistics	162.823.253.390	74.563.435.296
Cộng	162.823.253.390	74.563.435.296
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30.1)		

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ logistics	156.475.012.686	71.214.889.245
Cộng	156.475.012.686	71.214.889.245
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30.1)		

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.101.403.503	290.904.599
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.661.519	95.050.102
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	10.373.521	-
Cộng	1.113.438.543	385.954.701

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	16.583.604	33.579.183
Cộng	16.583.604	33.579.183

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.133.778	88.861.157
- Chi phí nhân công	1.514.123.083	1.298.919.341
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.215.350	26.190.900
- Thuế, phí và lệ phí	148.089.472	360.314.700
- Hoàn nhập dự phòng	(457.131.676)	(16.158.948)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.085.952.837	950.195.967
- Chi phí bằng tiền khác	844.148.944	953.135.513
Cộng	3.300.531.788	3.661.458.630

25. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	146.470.298	128.466.805
- Chi phí nhân công	7.518.915.943	6.300.235.823
- Khấu hao tài sản cố định	2.146.070.970	3.086.440.224
- Thuế, phí và lệ phí	148.089.472	360.314.700
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.919.051.372	63.595.586.422
- Chi phí bằng tiền khác	896.946.419	1.405.303.901
	159.775.544.474	74.876.347.875

26. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	49.286.000	333.529.631
- Thu nhập từ hoàn trả dự án Cái Lân	-	20.989.410.628
	49.286.000	21.322.940.259

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.193.849.855	21.260.290.026
Các khoản điều chỉnh tăng	341.728.324	358.430.510
- Chi phí không được trừ	102.960.000	207.393.089
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ cuối kỳ trước	-	151.037.421
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	238.768.324	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(659.945.410)	(16.158.948)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ cuối kỳ trước đã thực hiện	(2.917.959)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ cuối kỳ này	(10.127.451)	-
- Chi phí hoàn nhập dự phòng	(646.900.000)	(16.158.948)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	3.875.632.769	21.602.561.588
Lỗi tính lũy kế năm trước chuyển sang	-	(7.594.544.479)
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.875.632.769	14.008.017.109
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	775.126.554	2.801.603.422

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.418.723.301	18.458.686.604
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.418.723.301	18.458.686.604
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	14.162.130	14.162.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	241	1.303

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***30 THÔNG TIN KHÁC****30.1 THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN****Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng	Cùng Tổng Công ty
Công ty Vận tải biển VIMC	Cùng Tổng Công ty
Công ty Vận tải biển Container VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (Vinabridge)	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tổng Công ty
Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	Cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam- Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải (Vitamas)	Cùng Tổng Công ty
Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas) -Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng Tổng Công ty
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Cảng Đình Vũ	Cùng Tổng Công ty
Công Ty TNHH Tiếp Vận SITC-Đình Vũ	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

30. THÔNG TIN KHÁC**30.1 THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4.614.107.481	6.147.271.458
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	-	1.760.511.064
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	4.474.997.481	4.238.891.347
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	108.700.000	41.300.000
- Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô	-	106.569.047
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	30.410.000	-
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	8.777.249.751	7.529.070.792
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam- CTCP	575.645.204	562.038.577
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP tại Hải Phòng	-	2.777.778
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	92.593	17.251.852
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	3.900.537.897	4.158.134.553
- Công ty Cổ phần đại lý tàu biển và logistics Vosco	-	1.520.000
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	190.013.000	51.416.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Hiệp Phước	-	52.000.000
- Công ty Cổ phần Phát Triển Hàng Hải	3.567.990.365	2.619.213.904
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Cảng Đình Vũ	7.950.000	61.095.000
- Công Ty TNHH Tiếp Vận SITC-Đình Vũ	-	3.200.000
- Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas)	1.560.000	423.128
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	1.324.076	-
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	31.675.000	-
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	437.598.238	-
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	57.018.400	-
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận	3.067.200	-
- Công ty TNHH Khai Thác Container Việt Nam	2.777.778	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***30 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****30.1 THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Thu nhập của các thành viên chủ chốt**

	Chức vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Thu nhập của Hội đồng quản trị			
- Ông Mai Lê Lợi	Chủ tịch HĐQT	180.845.696	165.942.697
- Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên HĐQT	17.160.000	25.704.000
- Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên HĐQT	-	14.994.000
- Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên HĐQT	17.160.000	25.704.000
- Ông Đỗ Đức Ân (*)	Thành viên HĐQT	17.160.000	25.704.000
- Bà Dương Thu Hiền	Thành viên HĐQT	25.740.000	10.710.000
- Bà Đinh Thị Việt Hà	Thành viên HĐQT	8.580.000	-
- Bà Phan Nhân Thảo	Thành viên HĐQT	8.580.000	-
- Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT	8.580.000	-

Thu nhập của Ban Kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng BKS	25.725.000	10.710.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Dung (*)	Trưởng BKS	-	14.994.000
- Bà Dương Thu Hiền (*)	Thành viên BKS	-	12.316.500
- Bà Đỗ Lan Hương (*)	Thành viên BKS	-	12.316.500
- Bà Nguyễn Thị Hà Trang	Thành viên BKS	21.120.000	8.797.500
- Bà Vũ Lan Phương	Thành viên BKS	21.120.000	8.797.500

Thu nhập của Ban Giám đốc, người quản lý khác

- Bà Đinh Thị Việt Hà	Tổng Giám đốc	170.888.063	157.951.890
- Ông Phạm Bá Ngân	Phó Tổng Giám đốc	127.063.714	81.628.927
- Ông Đoàn Ngọc Tú (*)	Phó Tổng Giám đốc	-	93.404.836
- Bà Trần Thị Loan	Kế toán trưởng	129.956.622	114.041.951

(*) Trong kỳ, các cá nhân này không còn là bên liên quan do đã bị miễn nhiệm chức vụ trong năm 2024 và năm 2025.

30.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

30.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

30.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần VIMC Logistics đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần VIMC Logistics đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Tổng Giám Đốc



Đinh Thị Việt Hà